

Số: 49/2024/QĐST-HNGĐ

Cao Lãnh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người giám gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.**

2/ Chị **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Theo đơn yêu cầu và tại phiên hòa giải, anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** và chị **Lê Thị Thanh H** thống nhất như sau:

Anh **L** và chị **H** tự nguyện chung sống vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện H** vào ngày 29/4/2014. Sau thời gian chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh **L** và chị **H** thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Lê Huỳnh A**, sinh ngày 18/9/2015. Khi ly hôn, anh **L** và chị **H** thoả thuận chị **H** là người trực

tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh **L** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu **Huỳnh A** đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Anh **L** và chị **H** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh **L** và chị **H** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh **L** và chị **H** mỗi người đồng ý nộp 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** và chị **Lê Thị Thanh H** thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con: Chị **Lê Thị Thanh H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Lê Huỳnh A**, sinh ngày 18/9/2015. Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu **Huỳnh A** đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** và chị **Lê Thị Thanh H** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình: Anh **Nguyễn Huỳnh Phi L** và chị **Lê Thị Thanh H** đồng ý chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh **L**, chị **H** đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008987, ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND HCL;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS HCL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVDS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Trà**